

Số: 1916/QĐ-ĐHYD-ĐT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành chương trình đào tạo
chính quy trình độ đại học tại Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh.

HIỆU TRƯỞNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP.HCM

Căn cứ Quyết định số 1863/QĐ-BYT ngày 27.5.2009 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16.4.2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ kết luận của cuộc họp của Hội đồng khoa học – Đại học Y Dược TP. HCM tại biên bản số 595/BB-HĐKHĐT ngày 28.6.2016;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo đại học gồm 12 ngành sau:

- Ngành Y đa khoa.
- Ngành Dược học.
- Ngành Răng hàm mặt.
- Ngành Y học cổ truyền.
- Ngành Y học dự phòng.
- Ngành Y tế công cộng.
- Ngành Điều dưỡng.
- Ngành Điều dưỡng chuyên ngành Hộ sinh.
- Ngành Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức.
- Ngành Xét nghiệm y học.
- Ngành Kỹ thuật hình ảnh y học.
- Ngành Phục hồi chức năng.

Điều 2. Các chương trình đào tạo đại học được thực hiện từ năm học 2016-2017. Trong quá trình thực hiện, các Khoa có nhiệm vụ cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo để điều chỉnh cho phù hợp với thực tế nhu cầu chăm sóc sức khỏe.

Điều 3. Các Ông/Bà Trưởng khoa, các Trưởng phòng chức năng và các sinh viên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Y tế;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

PGS.TS. Trần Diệp Tuấn

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành Điều dưỡng chuyên ngành Hộ sinh

Mã ngành: 52720501 - Trình độ đào tạo: Đại học

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1916/QĐ-ĐHYD-ĐT ngày 29.6.2016
của Hiệu trưởng Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh)

1. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Khối lượng học tập	Số tín chỉ
1	Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu (chưa kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh)	26
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu	98
	- Kiến thức cơ sở ngành	23
	- Kiến thức ngành (kể cả kiến thức chuyên ngành)	63
	- Kiến thức tự chọn	12
3	- Khoá luận tốt nghiệp/ học phần bổ sung	7
Tổng cộng		131

2. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố tín chỉ	
			LT	TH
1. Kiến thức giáo dục đại cương				
	1.1. Lý luận chính trị, Ngoại ngữ, Tin học	26	24	2
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin	5	4	1
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
3	Đường lối CM của Đảng CSVN	3	3	0
4	Tiếng anh 1	2	2	0
5	Tiếng anh 2	2	2	0
6	Tiếng anh 3 (chuyên ngành)	2	2	0

7	Tin học đại cương	2	1	1
8	Vật lý – Lý sinh	2	2	0
9	Hóa học	2	2	0
10	Sinh học và di truyền	2	2	0
11	Xác suất – Thống kê y học	2	2	0
	1.2. Giáo dục thể chất	3	0	3
	1.3. Giáo dục quốc phòng – An ninh	6	4	2
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành	25	23	2
12	Sinh lý	2	2	0
13	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	2	2	0
14	Giải phẫu học – Mô học	3	2	1
15	Vi sinh – ký sinh trùng	2	2	0
16	Hoá sinh	2	2	0
17	Pháp luật – Tổ chức y tế	2	2	0
18	Tâm lý y học – Đạo đức nghề nghiệp	2	2	0
19	Dịch tễ học	2	2	0
20	Dinh dưỡng – Tiết chế	2	2	0
21	Sức khỏe môi trường - Nâng cao sức khỏe hành vi con người	2	2	0
22	Nghiên cứu điều dưỡng, thực hành dựa trên chứng cứ.	4	3	1
	2.2. Kiến thức ngành	63	33	30
23	Dược lý - Dược lâm sàng	3	2	1
24	Y học cổ truyền.	2	2	0
25	Kỹ năng giao tiếp – Giáo dục sức khỏe trong thực hành nghề nghiệp	3	3	0
26	Điều dưỡng cơ sở 1	3	2	1
27	Điều dưỡng cơ sở 2	4	2	2
28	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa	2	1	1
29	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa.	2	1	1
30	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm.	2	1	1
31	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành nghề nghiệp	2	1	1
32	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ - Kế hoạch hóa gia đình.	3	3	0

33	Thực hành chăm sóc sức khỏe phụ nữ - Kế hoạch hóa gia đình.	3	0	3
34	Chăm sóc bà mẹ thai kỳ bình thường.	3	1	2
35	Chăm sóc bà mẹ thai kỳ có nguy cơ.	4	2	2
36	Chăm sóc bà mẹ chuyển dạ và sinh thường.	4	2	2
37	Chăm sóc bà mẹ chuyển dạ và sinh khó.	3	3	0
38	Thực hành chăm sóc bà mẹ chuyển dạ và sinh khó.	3	0	3
39	Chăm sóc bà mẹ sau sinh.	3	1	2
40	Chăm sóc người bệnh hồi sức và chăm sóc tích cực sản phụ khoa.	3	1	2
41	Chăm sóc sơ sinh.	2	1	1
42	Chăm sóc trẻ dưới 5 tuổi.	3	1	2
43	Chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng.	2	1	1
44	Quản lý Hộ sinh.	2	1	1
	2.3. Kiến thức tự chọn (chọn 12/ 24 TC)	12	6	6
45	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ nâng cao – Dân số và phục hồi chức năng	4	2	2
46	Hộ sinh phòng mổ	4	2	2
47	Chăm sóc sơ sinh nâng cao	4	2	2
48	Chăm sóc phụ nữ, bà mẹ và sơ sinh nhiễm HIV	4	2	2
49	Chăm sóc sức khỏe người hiếm muộn.	4	2	2
50	Chăm sóc bệnh nhân ung thư phụ khoa	4	2	2
	3. Khóa luận tốt nghiệp / TTTN- học phần bổ sung (Ngoại trừ những SV đủ điều kiện làm khóa luận TN, các SV còn lại thực hiện học phần bổ sung).	7	(3)	(4)
	3.1. Học phần bổ sung	7	3	4
51	Thực tập tốt nghiệp	4	0	4
52	Thực hiện các chuyên đề về chăm sóc phụ nữ và sơ sinh.	3	3	0
	Tổng cộng	140	92	48

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

PGS.TS. Trần Diệp Tuấn